TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

1. Ông Nguyễn Văn Bé Ba

2. Bà Lê Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST - HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Xương M, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông H, T - Y, sinh năm 1989; địa chỉ: số F, Lộ T, khóm F, làng T, khu Đ, thành phố C, Đài Loan. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2023, nguyên đơn Đặng Thị Xương M trình bày:* Thông qua mai mối, bà và ông H, T – Yuan quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2017. Sau khi kết hôn bà sang Đài Loan sinh sống cùng ông H, T – Yuan được khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng phong tục tập quán, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H, T - Y.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn H, T - Y*: Ngày 18/3/2024 Tòa án có Công văn số 47/TTTPDS-TA61 về việc tương trợ tư pháp với nội dung: Ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan thực hiện tống đạt văn bản tống tụng của Tòa án cho ông H, T - Y. Ngày 16/4/2024 Tòa án đã nhận được kết quả ủy thác tư pháp, theo công văn số 962/BTP-PLQT ngày 05/4/2024 của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã tống đạt hồ sơ ủy thác cho ông H, T - Yuan vào ngày 24/11/2023 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người sống chung với ông H, T - Yuan nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông H, T - Y và ông H, T - Y1 cũng không có mặt tại các phiên hòa giải, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án, đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M, cho bà M được ly hôn với ông H, T - Y; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét; bà M phải chịu án phí, chi phí ủy thác tư pháp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông H, T - Yuan là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Đặng Thị Xương M có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn H, T - Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ vào hồ sơ ủy thác tư pháp, ngày 24/11/2023 Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã tống đạt hồ sơ ủy thác cho ông H, T - Yuan bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp cho người sống chung với ông H, T - Yuan, nhưng đến nay Tòa án vẫn không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông H, T - Y và ông H, T - Y1 cũng không có mặt tại Việt Nam để tham gia phiên

tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long ký cấp ngày 04/5/2017 thể hiện bà M và ông H, T - Yuan đã đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa bà M và ông H, T - Yuan là hợp pháp.

Bà M xác định, sau khi kết hôn bà sang Đài Loan sinh sống cùng ông H, T – Yuan được khoảng 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng phong tục tập quán, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Xét thấy, bà M và ông H, T - Yuan không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay bà M sống ở Việt Nam còn ông H, T - Yuan sống ở Đài Loan, cả hai không còn liên lạc với nhau. Do bà M và ông H, T - Yuan vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà M ly hôn ông H, T - Y là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí: Bà M phải chịu chi phí ủy thác tư pháp và án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19; Điều 56; Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; điểm b khoản 1 Điều 478; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Xương M.

Về hôn nhân: cho bà Đặng Thị Xương M được ly hôn với ông H, T – Y.

Về con chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1 Về án phí: Bà Đặng Thị Xương M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000472 ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà M đã nộp xong.

2.2 Về chi phí tố tụng:

Bà Đặng Thị Xương M phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000493 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà M đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND TB: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Tư